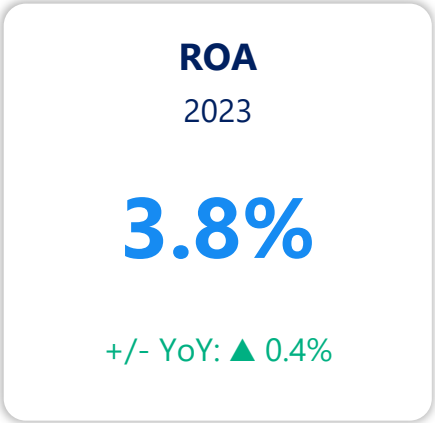
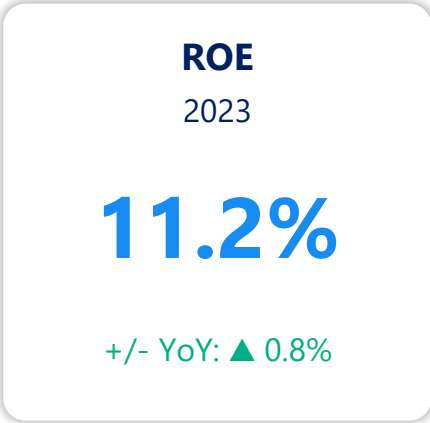
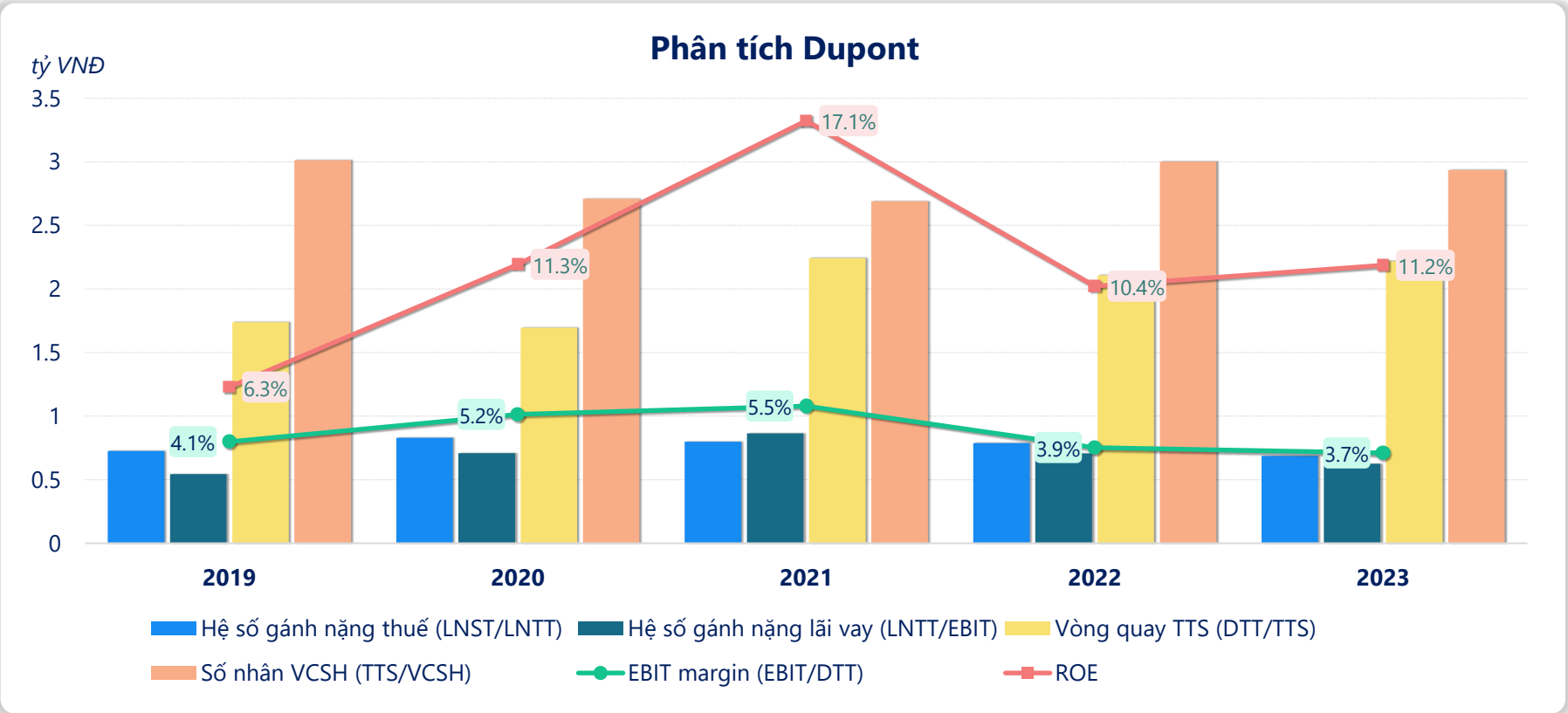
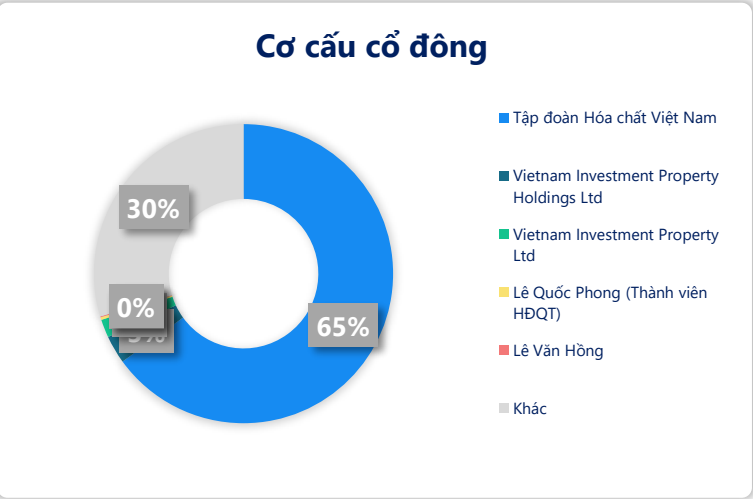


Hệ số Dupont là một công cụ phân tích tài chính giúp phân tích và hiểu rõ nguồn gốc của lợi nhuận dựa trên 5 nhân tố chính.

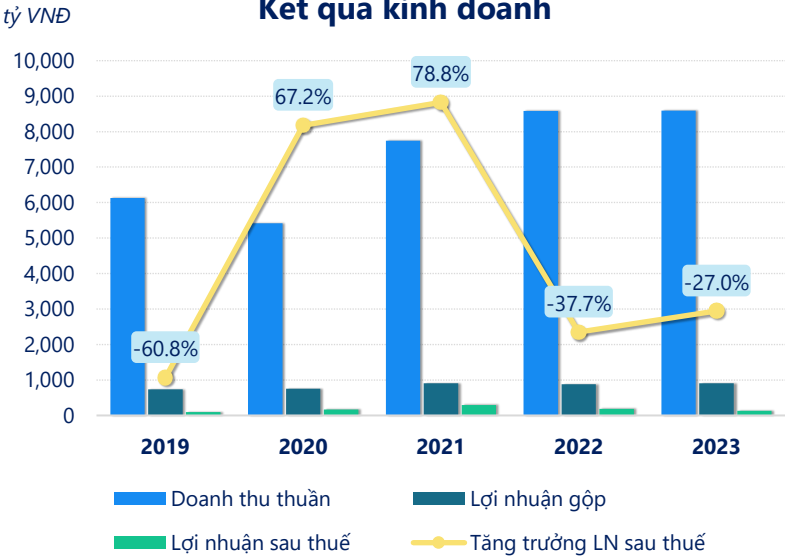
Thông tin giao dịch		29/12/2023
Giá hiện tại (VNĐ)		24,700
Sàn giao dịch		HSX
Khoảng giá 52 tuần		14,504 - 25,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,412
Số lượng CPLH (CP)		57,167,993
KLGD BQ 20 phiên (CP)		383,430
Sở hữu nước ngoài		5.9%
Beta		1.11
EPS		2,595
P/E		9.5

	YTD	1T	3T	6T
BFC	58.5%	3.9%	30.6%	36.6%
VNINDEX	8.2%	0.8%	1.4%	0.3%



### CTCP Phân bón Bình Điền (HSX: BFC)

Kết quả kinh doanh

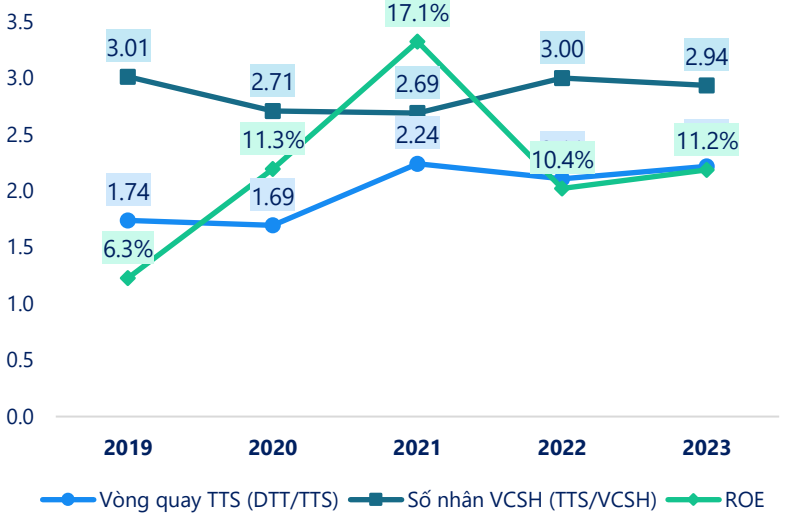


Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế và lãi vay (Ebit margin) **giảm xuống** còn **3.65%**, phản ánh mức độ suy giảm trong hiệu suất hoạt động của công ty.

Hệ số gánh nặng thuế bằng **0.69**, **giảm** so với năm trước phản ánh một phần lợi nhuận sau thuế đã bị giảm bớt bởi các khoản thuế.

Hệ số gánh nặng lãi vay là **0.63**, **thấp hơn** so với năm trước là dấu hiệu cho thấy chi phí lãi vay đang tăng nhanh hơn so với lợi nhuận trước thuế.

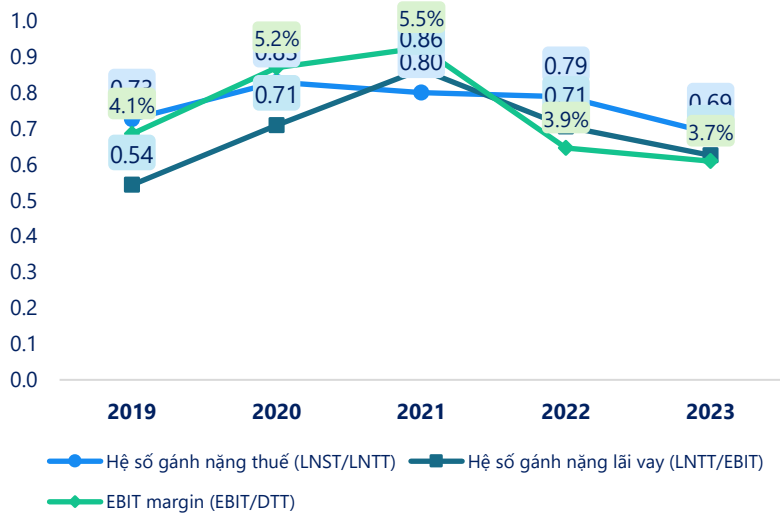
Vòng quay tài sản và ROE



Năm **2023**, **BFC** ghi nhận doanh thu thuần **8,588** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **134.8** tỷ đồng, lần lượt **tăng 0.08%** và **giảm 27.0%** so với năm trước.

Mặc dù doanh thu thuần tăng nhưng lợi nhuận sau thuế giảm, có thể do sự gia tăng của chi phí hoạt động hoặc giá vốn. Tuy nhiên, với **ROE** là **11.2%** thì công ty vẫn có mức sinh lợi ổn định và đảm bảo hiệu quả hoạt động.

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

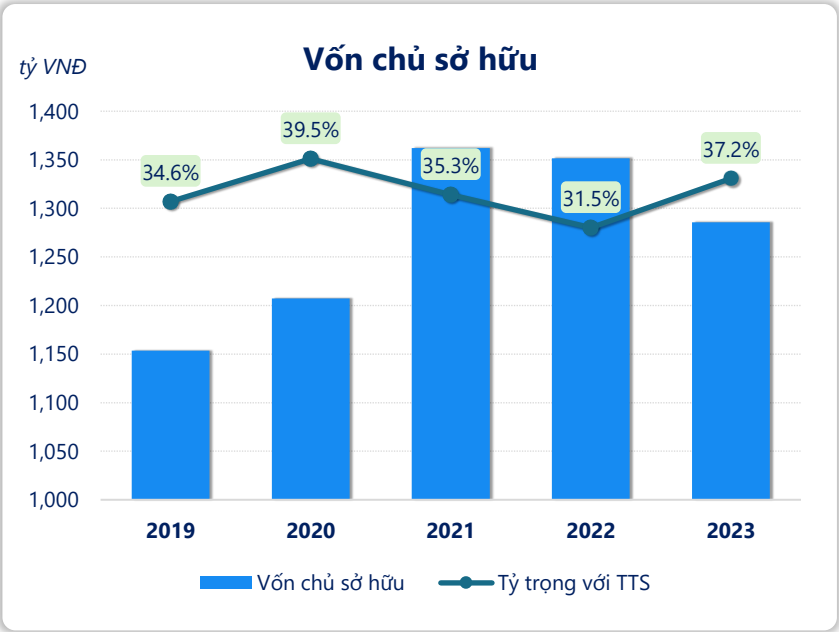
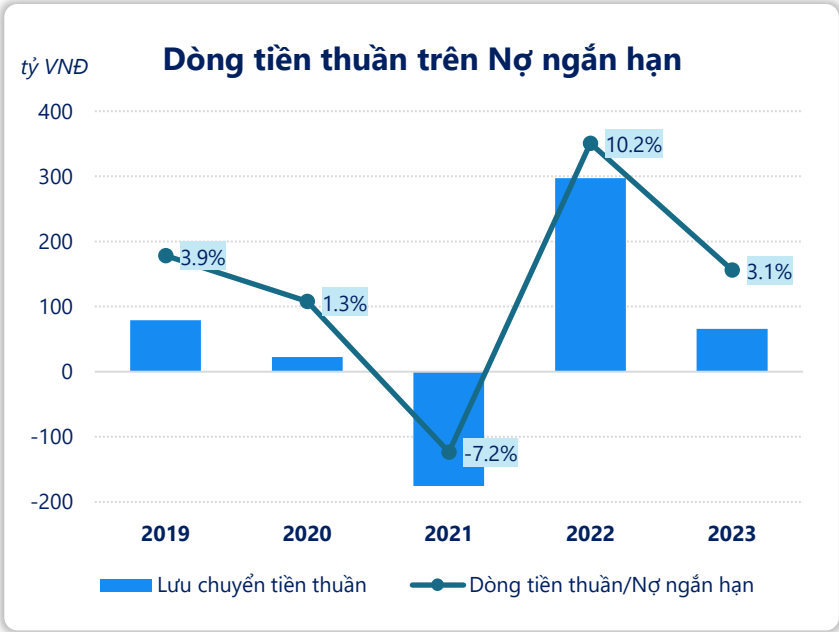
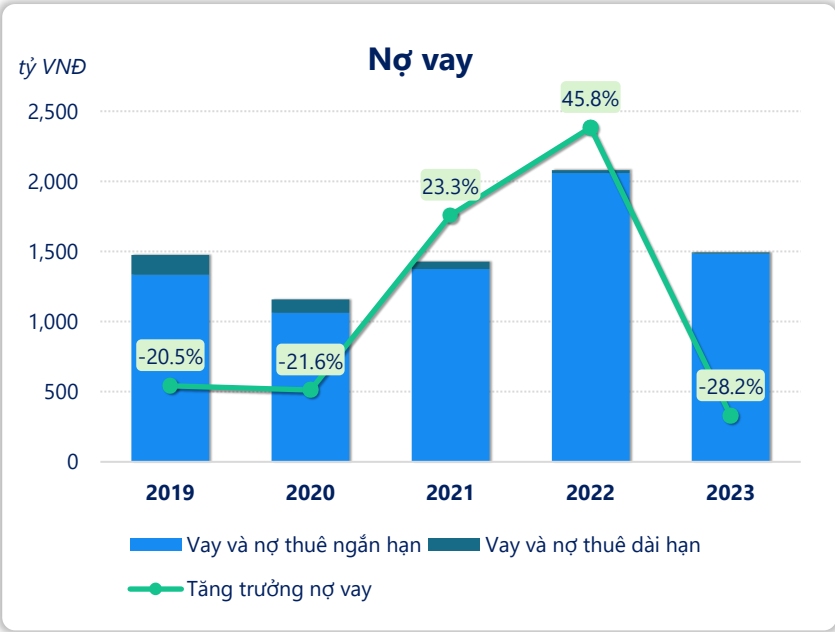
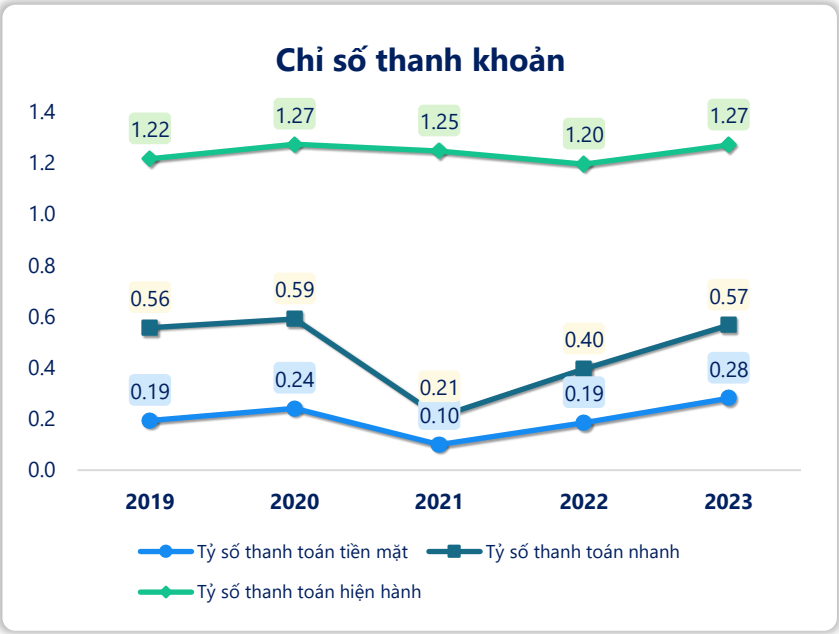
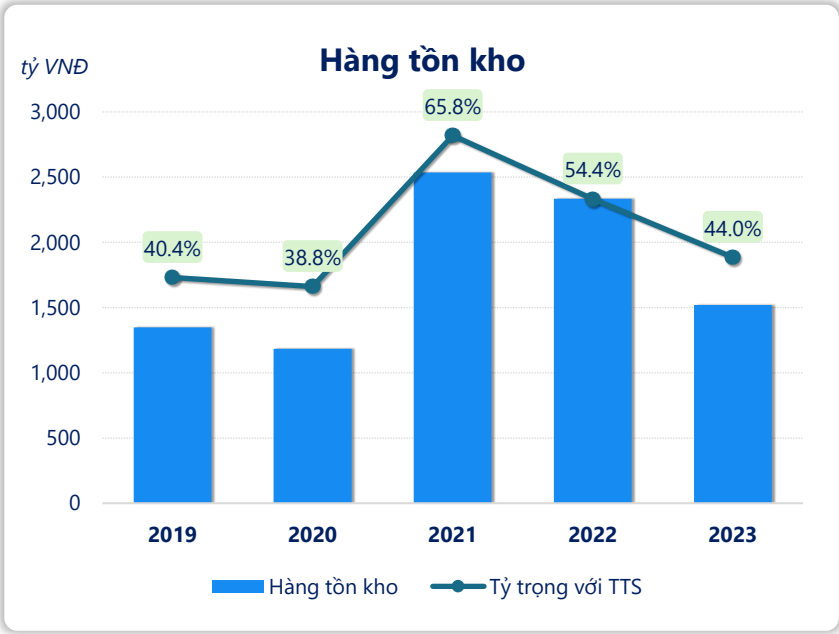


Hiệu suất sử dụng tài sản được cải thiện khi vòng quay tổng tài sản **tăng lên** đến **2.22**, tăng khả năng tạo ra doanh thu từ tài sản.

Số nhân vốn chủ sở hữu **giảm xuống** còn **2.94** cho thấy tỷ lệ Nợ/VCSH thấp hơn năm trước. Cần xem xét sự thay đổi cấu trúc tài sản để đánh giá rủi ro tài chính.

Phân tích hệ số Dupont cần xem xét tổng thể tình hình tài chính của công ty trong từng giai đoạn để đưa ra kết luận đầy đủ và chính xác.

### CTCP Phân bón Bình Điền (HSX: BFC)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
<b>Tổng tài sản</b>	<b>3,454</b>	<b>4,289</b>	<b>-19.5%</b>
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>2,743</b>	<b>3,487</b>	<b>-21.3%</b>
Tiền và tương đương tiền	602	541	11.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	25.0	3.00	733%
Phải thu ngắn hạn	561	566	-1.0%
Hàng tồn kho	1,520	2,334	-34.9%
Tài sản ngắn hạn khác	35.4	42.8	-17.3%
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>710</b>	<b>802</b>	<b>-11.4%</b>
Phải thu dài hạn	3.87	4.14	-6.4%
Tài sản cố định	646	746	-13.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	39.1	32.5	20.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	5.68	6.16	-7.8%
Tài sản dài hạn khác	15.4	12.9	19.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
<b>Nợ phải trả</b>	<b>2,168</b>	<b>2,937</b>	<b>-26.2%</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>2,158</b>	<b>2,915</b>	<b>-26.0%</b>
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,484	2,058	-27.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	232	509	-54.4%
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>9.60</b>	<b>21.7</b>	<b>-55.8%</b>
Vay và nợ thuê dài hạn	9.60	21.7	-55.8%
<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>1,286</b>	<b>1,351</b>	<b>-4.8%</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>1,286</b>	<b>1,351</b>	<b>-4.8%</b>
Vốn điều lệ	572	572	0.0%
<b>Kinh phí và quỹ khác</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>6,132</b>	<b>5,418</b>	<b>7,743</b>	<b>8,581</b>	<b>8,588</b>
Giá vốn hàng bán	5,397	4,663	6,838	7,703	7,680
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>736</b>	<b>755</b>	<b>905</b>	<b>878</b>	<b>908</b>
Doanh thu HĐTC	7.35	7.23	7.23	13.9	20.9
Chi phí TC	146	106	87.2	145	140
<b>Chi phí lãi vay</b>	<b>115</b>	<b>82.3</b>	<b>58.4</b>	<b>97.9</b>	<b>117</b>
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	350	310	292	347	424
Chi phí QLDN	129	148	165	164	166
<b>LN thuần từ HĐKD</b>	<b>118</b>	<b>198</b>	<b>369</b>	<b>235</b>	<b>199</b>
Lợi nhuận khác	18.9	2.32	2.53	-0.57	-3.03
<b>LN trước thuế</b>	<b>137</b>	<b>200</b>	<b>371</b>	<b>234</b>	<b>196</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>99.3</b>	<b>166</b>	<b>297</b>	<b>185</b>	<b>135</b>
<b>LNST của CĐ cty mẹ</b>	<b>74.0</b>	<b>133</b>	<b>220</b>	<b>141</b>	<b>148</b>

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	616	450	-260	-123	828
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-50.6	-15.0	-50.9	-84.8	-27.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-487	-412	135	505	-734
Tiền đầu kỳ	318	397	420	244	541
<b>Lưu chuyển tiền thuần</b>	<b>79.0</b>	<b>22.3</b>	<b>-176</b>	<b>297</b>	<b>66.0</b>
Ảnh hưởng tỷ giá	0	-0.04	0.05	-0.14	0
Tiền cuối kỳ	397	420	244	541	607